ĐƯA HẬU BIÊN TẬP DỊCH MÁY VÀO LỚP HỌC DỊCH: TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ ĐỊNH HƯỚNG GIẢNG DẠY

TẠ LÊ MỸ HẠNH
Khoa Ngoại ngữ, Đại học Bách khoa Hà Nội

Nhận bài ngày 20/9/2026. Sửa chữa xong 20/10/2026. Duyệt đăng 03/11/2026.

Abstract

The advancement of neural machine translation has made machine translation post-editing (MTPE) an essential service and professional competence for translators. However, it remains insufficiently integrated into translator training. Learners struggle to identify and correct MT errors, while instructors often lack the necessary preparation. This article reviews recent research to clarify the concept, role and types of post-editing, and examine the challenges of teaching it. It also proposes pedagogical approaches, including error-based and skill-level training, reflective practice supported by computer-assisted translation (CAT) tools, and instructor development.

Keywords: *Machine translation post-editing, translator training, neural machine translation, post-editing competence, pedagogical directions.*

1. Đặt vấn đề

Trong hơn một thập kỷ qua, dịch máy nơ-ron (neural machine translation) như Google Translate hay DeepL đã trở thành một phần quen thuộc của qui trình dịch thuật. Dịch máy được tích hợp vào nhiều công cụ dịch có sự hỗ trợ của máy tính (computer-assisted translation - CAT), đồng thời, vị thế của dịch máy cũng đã thay đổi. Thay vì là công cụ tạo bản dịch để người biên tập chỉnh sửa, dịch máy ngày nay được xem là nguồn hỗ trợ giúp người dịch nâng cao hiệu suất công việc (Vieira, 2019). Trong bối cảnh đó, hậu biên tập dịch máy (machine translation post-editing), tức quá trình rà soát và chỉnh sửa bản dịch do máy tạo ra ngày càng trở thành một dịch vụ quan trọng. Theo số liệu khảo sát được Latorraca (2023) dẫn lại, qui mô dịch vụ dịch máy và hậu biên tập tại các công ty dịch thuật đã tăng gấp đôi, trong khi dịch vụ dịch thuật hoàn toàn do con người thực hiện có xu hướng thu hẹp. Hậu biên tập cũng được xem là một năng lực thiết yếu đối với người dịch trong tương lai. Các khung năng lực nghề nghiệp của châu Âu đã xác định kỹ năng hậu biên tập dịch máy là một trong những năng lực cần thiết đối với người học ngành Dịch thuật (Latorraca, 2023). Tuy nhiên, thực tiễn đào tạo biên dịch vẫn chưa theo kịp nhu cầu này. Sinh viên (SV) thường xuyên dùng dịch máy nhưng hiểu biết về công nghệ này và các công cụ CAT còn hạn chế (Cholewska, 2021). Về chương trình đào tạo, hậu biên tập hiếm khi được giảng dạy như một nội dung độc lập: chỉ khoảng 1/5 số trường đại học ở Ý đưa nội dung này vào chương trình, chủ yếu dưới dạng hội thảo ngắn (Latorraca, 2023), còn ở Ba Lan là 02 trong 13 cơ sở (Cholewska, 2021). Khi thiếu hướng dẫn bài bản, người học khó nhận diện và xử lý lỗi dịch máy (Zhang & Torres-Hostench, 2022).

Bài viết tổng quan các nghiên cứu gần đây về hậu biên tập trong đào tạo dịch thuật nhằm làm rõ bản chất và vai trò của hoạt động này, phân tích những khó khăn khi triển khai trong lớp học và đề xuất một số định hướng giảng dạy dựa trên các nghiên cứu đã công bố.

2. Nội dung nghiên cứu

Bài viết gồm bốn phần chính. Phần thứ nhất giới thiệu khái niệm hậu biên tập dịch máy và vai trò của hoạt động này trong ngành Dịch thuật và đào tạo. Phần thứ hai trình bày các cách phân loại

Email: hanh.talemy@hust.edu.vn

hậu biên tập và lỗi dịch máy. Phần thứ ba phân tích những khó khăn trong việc đưa hậu biên tập vào chương trình đào tạo. Trên cơ sở đó, phần thứ tư đề xuất các định hướng tổ chức và triển khai hiệu quả hoạt động giảng dạy hậu biên tập dịch máy.

2.1. Khái niệm và vai trò của hậu biên tập trong dịch thuật

2.1.1. Khái niệm hậu biên tập dịch máy

Theo O'Brien (2022), hậu biên tập là quá trình nhận diện và chỉnh sửa những lỗi xuất hiện trong bản dịch do máy tạo ra. Về bản chất, hậu biên tập là một hình thức biên tập/hiệu đính song ngữ, trong đó người thực hiện đối chiếu văn bản nguồn với văn bản đích, đánh giá đầu ra của hệ thống dịch máy và chỉnh sửa để bản dịch đáp ứng yêu cầu của khách hàng hoặc mục đích sử dụng.

Vai trò của hậu biên tập trong qui trình dịch đã có sự thay đổi theo thời gian. Theo Vieira (2019), ở giai đoạn đầu, hậu biên tập chủ yếu được xem là công đoạn cuối nhằm chỉnh sửa đầu ra của hệ thống dịch máy. Cách tiếp cận này đặt dịch máy ở vị trí trung tâm, trong khi người dịch chỉ đóng vai trò khắc phục những hạn chế của bản dịch máy. Song quan niệm này dần chuyển sang cách tiếp cận lấy con người làm trung tâm, theo đó hậu biên tập được xem là một công cụ hỗ trợ người dịch, tương tự như bộ nhớ dịch và cơ sở thuật ngữ. Sự chuyển dịch trong quan niệm này có ý nghĩa quan trọng đối với đào tạo, bởi hậu biên tập cần được nhìn nhận như một năng lực nghề nghiệp thiết yếu, thay vì chỉ là thao tác kỹ thuật ở công đoạn cuối của qui trình dịch.

2.1.2. Vai trò của hậu biên tập trong ngành Dịch thuật và đào tạo dịch thuật

Khi hậu biên tập trở thành một dịch vụ thương mại, ngành dịch thuật cũng xây dựng các tiêu chuẩn và hướng dẫn để thống nhất qui trình thực hiện và tiêu chí đánh giá. Hai tài liệu thường được viện dẫn là tiêu chuẩn ISO 18587:2017 về hậu biên tập đầy đủ (full post-editing) đối với sản phẩm dịch máy và bộ hướng dẫn của TAUS (Hiệp hội người dùng tự động hóa dịch thuật) (O'Brien, 2022; Vieira, 2019). Các tài liệu này xác định mục tiêu chất lượng và các tiêu chí cần đáp ứng, qua đó cung cấp cơ sở tham chiếu chung cho khách hàng, doanh nghiệp dịch thuật và người hành nghề dịch thuật. Theo chúng tôi, trong đào tạo, các tài liệu này có thể làm căn cứ để xác định chuẩn đầu ra của học phần hậu biên tập.

Trong thực tiễn ngành Dịch thuật, hậu biên tập được sử dụng chủ yếu nhằm nâng cao năng suất dịch thuật, rút ngắn thời gian xử lý văn bản và giảm chi phí so với qui trình dịch hoàn toàn do con người thực hiện. Shi (2023) và Latorraca (2023) ghi nhận nhu cầu đối với dịch vụ hậu biên tập dịch máy đang gia tăng. Xu hướng này đòi hỏi người dịch mới vào nghề phải biết đánh giá và xử lý bản dịch máy. Vì vậy, việc tích hợp hậu biên tập vào chương trình đào tạo không chỉ giúp cập nhật nội dung giảng dạy theo sự phát triển của công nghệ mà còn góp phần đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động.

2.2. Các loại hình hậu biên tập dịch máy

Trong các tài liệu chuyên ngành, hậu biên tập được phân loại theo bốn tiêu chí: mức độ chỉnh sửa, khả năng tiếp cận văn bản nguồn, phương thức tương tác với hệ thống dịch máy và vai trò của con người trong qui trình. Việc nắm vững các cách phân loại hậu biên tập và lỗi dịch máy giúp giảng viên (GV) lựa chọn hình thức và phạm vi hậu biên tập phù hợp với mục tiêu đào tạo.

2.2.1. Dựa vào mức độ chỉnh sửa

Cách phân loại phổ biến nhất chia hậu biên tập thành hai mức: nhẹ (light/rapid post-editing) và đầy đủ (full post-editing). Theo bộ hướng dẫn của TAUS, hậu biên tập nhẹ nhằm tạo ra bản dịch "đủ dùng" (good enough), tức nội dung dễ hiểu và chính xác nhưng không nhất thiết trau chuốt về văn phong. Hậu biên tập đầy đủ hướng đến chất lượng tương đương bản dịch do người dịch chuyên nghiệp thực hiện, đòi hỏi chỉnh sửa toàn diện các lỗi về ngữ nghĩa, ngữ pháp, văn phong và định dạng (O'Brien, 2022; Shi, 2023; Vieira, 2019). Vì vậy, để xác định lỗi nào cần ưu tiên xử lý, trước hết cần dựa vào một hệ thống phân loại lỗi, từ đó nhận diện và sắp xếp các lỗi theo nhóm. Sycz-Opoń và Gałuskina (2017) chia lỗi thành ba nhóm: ngữ pháp, từ vựng - ngữ nghĩa và cú pháp. Zhang và Torres-Hostench (2022) dùng 6 nhóm: độ chính xác, trật tự từ, tên gọi chính thức, giới từ, lược bỏ và văn phong trang trọng. Harto và cộng sự (2022) tổng hợp các hệ thống có từ hai đến 13 nhóm lỗi, gồm các lỗi về ngữ pháp, từ vựng -

ngữ nghĩa, cú pháp, thuật ngữ, văn phong, dấu câu và chính tả cũng như lỗi lược bỏ, thêm thông tin và dịch sai nghĩa. Việc lựa chọn hệ thống phân loại lỗi nào phụ thuộc vào trình độ người học và mục đích sử dụng văn bản: người mới học nên dùng ít nhóm lỗi, còn văn bản dự kiến công bố rộng rãi cần chỉnh sửa kỹ hơn so với văn bản chỉ để nắm thông tin (Harto và cộng sự, 2022).

2.2.2. Dựa vào khả năng tiếp cận văn bản nguồn

Vieira (2019) phân biệt hậu biên tập song ngữ và đơn ngữ. Ở hình thức song ngữ, người hậu biên tập đối chiếu văn bản nguồn với văn bản đích để kiểm tra độ chính xác và mức tương đương về nghĩa. Đối với hình thức đơn ngữ, người biên tập chỉ rà soát văn bản đích mà không tham chiếu văn bản nguồn nên chủ yếu đánh giá tính mạch lạc và mức độ tự nhiên của bản dịch. Cách làm này nhanh hơn nhưng khó phát hiện những chỗ bản dịch trôi chảy mà sai lệch so với nguyên bản. Vấn đề đó đáng chú ý khi đầu ra của dịch máy nơ-ron thường trơn tru và tự nhiên về hình thức, khiến lỗi dịch khó nhận ra hơn (Vieira, 2019). Các lỗi về thành ngữ và yếu tố văn hóa, vốn dễ bị bỏ sót khi bản dịch có vẻ trôi chảy cũng chỉ lộ ra khi đối chiếu với văn bản nguồn (Tran và cộng sự, 2024).

Trong đào tạo dịch thuật, hình thức song ngữ phù hợp hơn vì giúp người học phát hiện những sai lệch trong văn bản dịch so với văn bản nguồn, đồng thời rèn luyện thói quen đối chiếu hai văn bản, một kỹ năng cốt lõi của người dịch chuyên nghiệp.

2.2.3. Dựa vào phương thức tương tác với hệ thống dịch máy

O'Brien (2022) và Vieira (2019) phân biệt ba hình thức hậu biên tập xét về mức độ tương tác. Với hậu biên tập tĩnh (static post-editing) còn được O'Brien gọi là hình thức truyền thống, hệ thống dịch trước, sau đó người biên tập mới tiến hành chỉnh sửa như một bước riêng biệt. Với hậu biên tập tương tác (interactive post-editing), hệ thống điều chỉnh gợi ý dịch theo từng quyết định của người biên tập ngay trong lúc thao tác, tương tự chức năng gợi ý khi gõ văn bản. Với hậu biên tập thích ứng (adaptive post-editing), hệ thống học từ các chỉnh sửa để cải thiện đầu ra ở những câu sau, tránh lặp lại lỗi đã sửa.

Ba hình thức này khác nhau ở thời điểm con người can thiệp và ở mức độ hệ thống "học" từ người dùng. Ở hình thức tĩnh, qui trình tách bạch thành hai giai đoạn: máy dịch rồi người sửa. Ở hình thức tương tác và thích ứng, hai hoạt động diễn ra đan xen và các quyết định của người biên tập có thể tác động trở lại đầu ra của hệ thống. Cách phân loại này phản ánh xu hướng dịch máy ngày càng được tích hợp vào các công cụ CAT như một nguồn hỗ trợ người dịch thay vì chỉ là bước tạo bản dịch thô (Vieira, 2019).

2.2.4. Dựa vào vai trò của con người trong qui trình dịch thuật

Theo Vieira (2019), vai trò của con người trong qui trình dịch thuật có thể được xem xét trên một phổ liên tục, từ mức độ can thiệp tối thiểu đến mức độ chủ động kiểm soát và ra quyết định trong quá trình dịch. Ở cách tiếp cận lấy dịch máy làm trung tâm, sự can thiệp của con người được hạn chế ở mức tối thiểu, chủ yếu để khắc phục hạn chế của hệ thống. Ở cách tiếp cận lấy con người làm trung tâm, người dịch chủ động đánh giá và lựa chọn phương án dịch, còn dịch máy chỉ là công cụ hỗ trợ. Trong đào tạo dịch thuật nên hướng người học tới cách tiếp cận thứ hai để họ phát triển tư duy phản biện, khả năng đánh giá chất lượng bản dịch và năng lực ra quyết định độc lập.

2.3. Những khó khăn khi đưa hậu biên tập vào lớp học dịch

Các nghiên cứu cho thấy việc đưa hậu biên tập vào giảng dạy gặp khó khăn ở ba phương diện: người học, thiết kế chương trình, và công nghệ cùng đội ngũ GV. Ba nhóm khó khăn này liên quan chặt chẽ với nhau. Người học gặp trở ngại một phần vì chương trình chưa trang bị đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết còn việc xây dựng chương trình lại phụ thuộc vào năng lực của GV và các công cụ hiện có.

2.3.1. Khó khăn từ phía người học

Khó khăn đầu tiên là khả năng nhận diện lỗi. SV chưa được huấn luyện thường bỏ sót lỗi về độ chính xác, văn phong và trật tự từ (Zhang & Torres-Hostench, 2022). Đặc biệt, đầu ra của dịch máy nơ-ron thường trôi chảy và tự nhiên về hình thức, khiến lỗi dịch khó phát hiện hơn (Vieira, 2019). Ngay cả khi phát hiện được lỗi, người học vẫn có thể chỉnh sửa không phù hợp như sửa những chỗ không cần thiết, bỏ sót

lỗi hoặc đưa thêm lỗi mới vào văn bản. Việc đồng thời đối chiếu văn bản nguồn, bản dịch máy và bản chỉnh sửa cũng có thể gây quá tải nhận thức, nhất là khi năng lực ngôn ngữ còn hạn chế (Sycz-Opoń & Gałuskina, 2017; Zhang & Torres-Hostench, 2022).

Bên cạnh kỹ năng thực hành, năng lực tự đánh giá và thái độ của người học cũng là những yếu tố đáng lưu ý. Latorraca (2023) cho thấy SV chưa được huấn luyện thường đánh giá hậu biên tập là hoạt động dễ hơn dịch nhưng lại thiếu tự tin và chưa nhất quán khi đánh giá chất lượng sản phẩm của mình, phản ánh hạn chế về năng lực siêu nhận thức. Ngoài ra, một số người học có thái độ chưa tích cực hoặc lo ngại hậu biên tập làm giảm tính sáng tạo trong nghề dịch (Chen & Zhou, 2026; Latorraca, 2023).

2.3.2. Khó khăn trong thiết kế chương trình

Trước hết, hậu biên tập chưa có vị trí rõ ràng trong chương trình đào tạo. Nhiều cơ sở chưa xây dựng học phần riêng, khiến việc giảng dạy phụ thuộc chủ yếu vào sự chủ động của GV. Bên cạnh đó, các rào cản về thời lượng, cơ sở vật chất và sự thiếu thống nhất trong phương pháp đào tạo cũng gây khó khăn cho việc triển khai (Cholewska, 2021; Latorraca, 2023). Ngay cả khi được đưa vào chương trình, hậu biên tập thường được giảng dạy thiên về kỹ năng thao tác, trong khi các khía cạnh nhận thức và cảm xúc của người học chưa được quan tâm đầy đủ. Việc tổ chức thành học phần riêng có thể giúp đào sâu kỹ thuật nhưng dễ tách rời các nội dung đào tạo khác; ngược lại, lồng ghép vào nhiều học phần có nguy cơ khiến nội dung bị triển khai sơ lược (Chen & Zhou, 2026). Ngoài ra, mục tiêu và yêu cầu bài tập cần được qui định rõ ràng. Cholewska (2021) ghi nhận rằng khi hướng dẫn không nêu cụ thể yêu cầu hậu biên tập, phần lớn người tham gia đã không chỉnh sửa bản dịch máy.

2.3.3. Hạn chế về công nghệ và đội ngũ giảng viên

Về mặt công nghệ, dịch máy thường được xem là một "hộp đen" vì người dùng khó xác định cơ sở lựa chọn phương án dịch, gây trở ngại cho việc dự đoán và nhận diện lỗi (Chen & Zhou, 2026). Các hệ thống này vẫn hạn chế trong xử lý thành ngữ và yếu tố văn hóa, do đó cần có sự can thiệp của con người (Tran và cộng sự, 2024). Nếu tiếp nhận bản dịch máy mà không qua đánh giá và đối chiếu, người học dễ phụ thuộc quá mức vào công nghệ. Ngoài ra, do dịch máy chủ yếu được phát triển và đánh giá trên các cặp ngôn ngữ có tiếng Anh, việc giảng dạy hậu biên tập ở các cặp ngôn ngữ khác còn gặp khó khăn do thiếu tài liệu và mô hình phù hợp (Chen & Zhou, 2026).

Về đội ngũ GV, Chen và Zhou (2026) lưu ý rằng nhiều GV chưa được đào tạo đầy đủ về hậu biên tập. Điều này tạo ra một nghịch lý: SV cần được hướng dẫn để sử dụng và đánh giá một công nghệ mới, trong khi chính GV cũng chưa đủ kiến thức và kinh nghiệm để hỗ trợ.

2.4. Một số định hướng triển khai hậu biên tập hiệu quả trong đào tạo dịch thuật

Từ những khó khăn nêu trên, các nghiên cứu đã đề xuất nhiều giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả dạy học hậu biên tập dịch máy gồm: xác định nội dung cần trang bị cho người học, tổ chức hoạt động trên lớp, lựa chọn công cụ hỗ trợ, tích hợp hậu biên tập vào chương trình và chuẩn bị đội ngũ GV.

2.4.1. Xác định nội dung cần giảng dạy

Người học cần hiểu rõ cả ưu điểm lẫn hạn chế của dịch máy. Công cụ đó có khả năng xử lý nhanh và duy trì tính nhất quán về thuật ngữ nhưng vẫn có thể mắc lỗi về ngữ nghĩa, thành ngữ và ngữ cảnh văn hóa. Những lỗi này đặc biệt dễ bị bỏ sót khi bản dịch có hình thức trôi chảy, tự nhiên (Tran và cộng sự, 2024; Yamada, 2019). Vì vậy, người học cần được rèn luyện kỹ năng đối chiếu bản dịch máy với văn bản nguồn để phát hiện, phân loại và chỉnh sửa lỗi dựa trên kiến thức chuyên môn và năng lực phán đoán, đồng thời thường xuyên cập nhật những tiến bộ của công nghệ dịch máy (Shi, 2023; Tran và cộng sự, 2024). Những kỹ năng này giúp người học tránh tình trạng chỉnh sửa quá mức hoặc bỏ sót lỗi trong quá trình hậu biên tập (Sycz-Opoń & Gałuskina, 2017). Ngoài ra, người học cần nắm được các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và phân biệt hậu biên tập nhanh với hậu biên tập đầy đủ để xác định mức độ chỉnh sửa phù hợp với mục đích sử dụng văn bản (Latorraca, 2023; O'Brien, 2022; Shi, 2023).

2.4.2. Giảng dạy theo nhóm lỗi và theo cấp độ kỹ năng

Về phương pháp giảng dạy, Zhang và Torres-Hostench (2022) đề xuất tổ chức huấn luyện theo từng

nhóm lỗi (độ chính xác, trật tự từ, tên riêng, giới từ, thiếu thông tin và văn phong trang trọng), gắn với ba cấp độ kỹ năng: phát hiện, phân loại và chỉnh sửa. Cách tiếp cận này giúp người học tập trung xử lý từng nhóm lỗi cụ thể thay vì phải đối mặt với nhiều dạng lỗi cùng lúc, qua đó từng bước hình thành kỹ năng và nâng cao sự tự tin.

Để hệ thống hóa kỹ năng phát hiện lỗi, Sycz-Opoń và Gałuskina (2017) đề xuất sử dụng bảng quy trình đánh giá dịch máy (MT Evaluation Protocol), trong đó các nhóm lỗi về ngữ pháp, cú pháp và từ vựng - ngữ nghĩa được liệt kê sẵn để người học đối chiếu và ghi nhận theo từng câu. Công cụ này giúp quá trình rà soát có hệ thống hơn, hạn chế tình trạng chỉ tập trung vào một lỗi mà bỏ sót các lỗi khác trong cùng đoạn văn.

2.4.3. Tổ chức hoạt động trên lớp

Hoạt động hậu biên tập nên được tổ chức thành một qui trình có định hướng gồm ba bước: phát hiện lỗi, lựa chọn cách chỉnh sửa phù hợp và phản tư về các quyết định đã đưa ra (Chen & Zhou, 2026). Qui trình trên tương ứng với chuỗi kỹ năng phát hiện, phân loại và chỉnh sửa lỗi, đồng thời bổ sung bước phản tư giúp người học đánh giá vai trò của dịch máy, nhận biết khi nào công cụ này hỗ trợ hoặc cản trở quá trình dịch, từ đó tránh chấp nhận đầu ra của dịch máy một cách thiếu phê phán. Bước này còn góp phần phát triển năng lực tự đánh giá, vốn hạn chế ở những người học chưa được đào tạo (Latorraca, 2023), đồng thời khắc phục xu hướng chú trọng kỹ năng thao tác mà chưa quan tâm đầy đủ đến khía cạnh nhận thức trong giảng dạy hậu biên tập (Chen & Zhou, 2026).

Về thiết kế bài tập, do người mới học dễ bị quá tải nhận thức khi phải đồng thời đối chiếu văn bản nguồn, bản dịch máy và bản chỉnh sửa, bài tập cần được sắp xếp theo mức độ khó tăng dần, từ văn bản ngắn, ít lỗi đến văn bản phức tạp hơn (Chen & Zhou, 2026). GV cũng cần nêu rõ yêu cầu của từng bài tập, bao gồm mức độ hậu biên tập cần đạt và nhóm lỗi cần tập trung, bởi việc thiếu hướng dẫn cụ thể có thể khiến người học không thể thực hiện việc chỉnh sửa (Cholewska, 2021). Bên cạnh đó, thảo luận nhóm nên được sử dụng như một hình thức hỗ trợ để người học chia sẻ khó khăn, giảm tâm lý e ngại, đồng thời so sánh các phương án chỉnh sửa và giải thích lý do lựa chọn. (Chen & Zhou, 2026).

2.4.4. Sử dụng công cụ và tài nguyên hỗ trợ

Cholewska (2021) và Tran và cộng sự (2024) khuyến nghị kết hợp hậu biên tập với một số hoạt động và công cụ hỗ trợ: tiền biên tập (pre-editing), đối chiếu văn bản song song, xây dựng bảng thuật ngữ và làm quen với các công cụ dịch có sự hỗ trợ của máy tính (CAT). Những hoạt động này giúp người học không chỉ sửa lỗi sau khi dịch máy đã xuất ra kết quả mà còn chủ động cải thiện chất lượng ở cả khâu trước và trong quá trình dịch.

Tiền biên tập là việc chỉnh sửa văn bản nguồn trước khi đưa vào hệ thống dịch máy, chẳng hạn rút gọn câu dài hoặc diễn đạt lại những chỗ gây nhầm lẫn, giúp bản dịch máy dễ xử lý và ít lỗi hơn. Việc đối chiếu văn bản song song giữa văn bản nguồn và bản dịch máy giúp người học phát hiện những sai lệch về nghĩa dễ bị bỏ sót khi chỉ đọc bản dịch. Bảng thuật ngữ giúp đảm bảo các thuật ngữ chuyên ngành được dịch chính xác và nhất quán, đặc biệt với văn bản chuyên môn. Cuối cùng, làm quen với công cụ CAT cho phép người học thực hành hậu biên tập trong môi trường gần với thực tế nghề nghiệp, nơi dịch máy thường được tích hợp cùng bộ nhớ dịch và quản lý thuật ngữ.

2.4.5. Đào tạo giảng viên và hợp tác với doanh nghiệp

Các giải pháp nêu trên khó đạt hiệu quả nếu GV chưa được chuẩn bị đầy đủ. Theo Chen và Zhou (2026), mức độ thành công của việc đưa hậu biên tập vào giảng dạy phụ thuộc nhiều vào năng lực của GV. Vì vậy, các tác giả khuyến nghị tăng cường bồi dưỡng chuyên môn cho GV, giúp họ nắm vững công cụ và có khả năng thiết kế, đánh giá hoạt động hậu biên tập. Bên cạnh đó, nhà trường nên thúc đẩy hợp tác với doanh nghiệp dịch thuật và các nhà phát triển các công cụ dịch máy (Chen & Zhou, 2026; Tran và cộng sự, 2024). Sự hợp tác này giúp nội dung đào tạo bám sát yêu cầu và qui trình làm việc thực tế, đồng thời tạo cơ hội để người học và người dạy phản hồi về những lỗi thường gặp của công cụ, từ đó góp phần cải thiện các công cụ này.

3. Kết luận

Những phân tích trên cho thấy hậu biên tập đang dần chuyển từ một công đoạn chỉnh sửa đầu ra của máy sang một năng lực nghề nghiệp lấy con người làm trung tâm, trong đó dịch máy đóng vai trò công cụ hỗ trợ (Chen & Zhou, 2026; Vieira, 2019). Vì vậy, vấn đề đặt ra đối với các cơ sở đào tạo không chỉ là đưa hậu biên tập vào chương trình hay không mà quan trọng hơn là tổ chức giảng dạy như thế nào để người học có thể chủ động làm chủ qui trình này.

Trên cơ sở những thách thức đã phân tích, bài viết đề xuất ba định hướng triển khai hậu biên tập trong đào tạo dịch thuật: 1) Huấn luyện theo nhóm lỗi và từng cấp độ kỹ năng, từ phát hiện, phân loại đến chỉnh sửa; 2) Kết hợp hoạt động phản tư với việc sử dụng các công cụ CAT giúp người học hiểu cơ sở của các quyết định chỉnh sửa và làm quen với qui trình thực tế; 3) Chú trọng bồi dưỡng GV để bảo đảm hiệu quả triển khai.

Tuy nhiên, cần thận trọng khi khái quát hóa các kết quả nghiên cứu do một số nghiên cứu có qui mô mẫu nhỏ (Zhang & Torres-Hostench, 2022; Cholewska, 2021), trong khi phần lớn tập trung vào các cặp ngôn ngữ có tiếng Anh (Chen & Zhou, 2026). Do đó, các định hướng trên nên được xem là cơ sở tham khảo và cần tiếp tục kiểm chứng trong những bối cảnh đào tạo khác nhau, đặc biệt với cặp ngôn ngữ Anh-Việt. Các nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng qui mô mẫu, đa dạng hóa cặp ngôn ngữ, trình độ người học và thể loại văn bản, đồng thời quan tâm hơn đến các yếu tố nhận thức và cảm xúc ảnh hưởng đến sự tự tin, tính chủ động và khả năng thích ứng của người học khi sử dụng dịch máy.

Tài liệu tham khảo

Chen, S., & Zhou, T. (2026). Machine translation and post-editing in translator training: A systematic review of integration models, challenges, and pedagogical implications. *Humanities and Social Sciences Communications*. https://doi.org/10.1057/s41599-026-08740-5.

Cholewska, D. (2021). Machine translation post-editing (MTPE) from the perspective of translation trainees: Implications for translation pedagogy. In J. Campbell, B. Huyck, S. Larocca, J. Marciano, K. Savenkov, & A. Yanishevsky (Eds.), *Proceedings of Machine Translation Summit XVIII: Users and Providers Track* (pp. 200-210). Association for Machine Translation in the Americas.

https://aclanthology.org/2021.mtsummit-up.15.

Harto, S., Hamied, F. A., Musthafa, B., & Setyarini, S. (2022). Exploring undergraduate students' experiences in dealing with post-editing of machine translation. *Indonesian Journal of Applied Linguistics, 11*(3), 696-707. https://doi.org/10.17509/ijal.v11i3.42825.

Latorraca, R. (2023). Lost in post-editing: An exploratory study on translation trainees' perceived EN>IT post-editing vs. translation performance. *Ampersand, 11*, Article 100144. https://doi.org/10.1016/j.amper.2023.100144.

O'Brien, S. (2022). How to deal with errors in machine translation: Post-editing. In D. Kenny (Ed.), *Machine translation for everyone: Empowering users in the age of artificial intelligence* (pp. 105-120). Language Science Press. https://doi.org/10.5281/zenodo.6759982.

Shi, Q. (2023). Development of post-editing skills in machine translation. *Region - Educational Research and Reviews, 5*(3), 125-130. https://doi.org/10.32629/rerr.v5i3.1325.

Sycz-Opoń, J., & Gałuskina, K. (2017). Machine translation in the hands of trainee translators: An empirical study. *Studies in Logic, Grammar and Rhetoric, 49*(62), 195–212. https://doi.org/10.1515/slgr-2017-0012.

Tran, T. T. P., Tran, T. T. S., & Le, T. N. U. (2024). Using machine translation in English-Vietnamese translation: Perspectives from English-Vietnamese translation major students. *Hue University Journal of Science: Social Sciences and Humanities, 133*(6B), 107–126. https://doi.org/10.26459/hueunijssh.v133i6B.7406.

Vieira, L. N. (2019). Post-editing of machine translation. In M. O'Hagan (Ed.), *The Routledge handbook of translation and technology* (pp. 319-335). Routledge. https://doi.org/10.4324/9781315311258.

Yamada, M. (2019). The impact of Google Neural Machine Translation on post-editing by student translators. *The Journal of Specialised Translation, 31*, 87-106. https://doi.org/10.26034/cm.jostrans.2019.178.

Zhang, H., & Torres-Hostench, O. (2022). Training in machine translation post-editing for foreign language students. *Language Learning & Technology, 26*(1), 1-17. https://doi.org/10.64152/10125/73466.